TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1389/2017/QĐST - HNGĐ	*Bình Tân, ngày 13 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 622/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017, giữa:

Bà: **Mai Thị Bích T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Đường C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông: **Nguyễn Thành N**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Đường C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Mai Thị Bích T** và **Nguyễn Thành N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Bích T và ông Nguyễn Thành N thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 39, quyển số: 01, ngày 04 tháng 5 năm

1999 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là phường T, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Mai Quế T1, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2000 và Nguyễn Mai Quế T2, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2008. Giáo cháu T1 và cháu T2 cho bà Mai Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Mai Thị Bích T không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng cho con.

Bà Mai Thị Bích T và ông Nguyễn Thành N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Thành N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Bà Mai Thị Bích T và ông Nguyễn Thành N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.3. Về tài sản chung: Cả 02 (Hai) cùng xin để tự thỏa thuận.

2.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Cả 02 (Hai) xác nhận không có.

2.5. Về án phí: Bà Mai Thị Bích T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000146 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Mai Thị Bích T còn được nhận lại số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mười ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận B;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Đường